

Bản án số:44/2017/HSST
Ngày: 09-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thành Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Ông Nguyễn Thành Dũng

-Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Trên - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 45/HSST ngày 11/7/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/HSST-QĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đặng Thanh N (tên gọi khác: Út), sinh năm 1986 tại Cần Thơ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã Đ, huyện T, Thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã Đ, huyện T, Thành phố Cần Thơ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Đặng Văn B (đã chết) và bà Lê Thị C (đã chết); bản thân chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2017, tạm giam ngày 26/4/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Tô Văn P (tên gọi khác: Không), sinh năm 1982 tại Kiên Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Tô Văn Q và bà Nguyễn Thị H; bản thân có vợ tên Nguyễn Thị L (đã ly hôn) và có con sinh năm 2005; Tiền án, tiền

sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2017, tạm giam ngày 26/4/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Lê Hoàng G , sinh năm 1984 (có mặt).

ĐKTT: QL1A, khu phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

2. Phạm Thị Bích L , sinh năm 1962 (vắng mặt).

ĐKTT: đường Võ Công T, khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: đường 10, khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 19/4/2017, Đặng Thanh N, Tô Văn P uống cà phê tại quán “Lâm Tuyền” ấp 1, xã T, huyện B. Tại đây, N rủ P đi trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài được P đồng ý. Đến khoảng 01 giờ ngày 20/4/2017, P điều khiển xe Sirius biển số 95E1-397.53 chở N đi, khi đi ngang qua quán cà phê của chị Phạm Thị Bích L tại số 3 đường số 9, khu dân cư đường 10, khu phố 3, thị trấn B, huyện B, N thấy cửa đóng, nhưng cửa sổ lầu ở tầng 2 còn mở nên yêu cầu P dừng xe lại để N leo vào nhà chị L lấy tài sản. P đứng bên ngoài cảnh giới còn N đi bộ đến phía sau nhà của chị L lấy ghế gỗ để phía dưới cửa sổ, N bước lên ghế đột nhập vào nhà thì thấy vợ chồng chị L đang ngủ trong phòng, bên cạnh có 01 túi xách và 01 điện thoại di động (ĐTDD). N mở túi xách lấy 3.700.000 đồng và 01 ĐTDD Iphone 6, màu vàng bỏ vào túi quần rồi leo lên cửa sổ ra ngoài, N điện thoại cho P đến rước, N đưa cho P 1.700.000đ và 01 ĐTDD vừa trộm được cho P cất giữ. Sau đó, P tiếp tục điều khiển xe mô tô 95E1-397.53 chở N, khi đến phòng tập thể hình “Long Phú”, đường Mai Thị N, khu phố 3, thị trấn B, huyện B, N thấy cửa sổ phòng tập còn mở, kêu P dừng xe lại, yêu cầu P đứng bên ngoài cảnh giới còn N trèo qua cửa sổ vào trong phòng thì thấy anh Lê Hoàng G đang ngủ, N lấy của anh G 01 ĐTDD Iphone 5S, màu vàng đang cắm sạc và 620.000 đồng trong túi quần của anh G rồi trèo qua cửa sổ ra ngoài, N điện thoại cho P đến rước, N tiếp tục đưa 01 ĐTDD vừa trộm được cho P cất giữ, còn tiền thì N cất giữ. Sau đó, P điều khiển xe chở N về Cần Thơ để tiêu thụ tài sản trộm được. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến địa phận phường K, TP. T, tỉnh Long An thì bị lực lượng tuần tra Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Long An do thấy Ph và N có biểu hiện nghi vấn đã tiến hành kiểm tra và xác minh ban đầu thì P và N thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản tại huyện B nên chuyển cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B điều tra theo thẩm quyền.

Tại biên bản định giá tài sản số 11/BB-TCKH ngày 04/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B định giá: 01 ĐTDD nhãn hiệu Iphone 5S, màu vàng của anh Lê Hoàng G, trị giá 4.900.000đ; 01 ĐTDD nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng của chị Phạm Thị Bích L, trị giá 5.850.000đ. Tổng cộng 10.750.000đ

Ngoài ra, trong quá trình điều tra N và P còn khai nhận trước đó đã nhiều lần trộm cắp tài sản trên địa bàn quận T, quận 12, quận B và huyện B, TP.HCM cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: vào khoảng 00 giờ 15 phút ngày 19/4/2017, P điều khiển xe mô tô biển số 95E1-397.53 chở N đến nhà của chị Trần Thị M, khu phố 1, phường L, quận T, TP.HCM lấy trộm 04 ĐTDĐ gồm: 01 điện thoại Sony Xperia, màu vàng; 01 điện thoại nhãn hiệu Kingcom màu trắng, 01 điện thoại Mobistar màu đen, 01 Samsung E5 màu trắng.

Vụ thứ 2: khoảng 01 giờ 00 ngày 19/4/2017, P chở N đến nhà của chị Phạm Bình Phương V, QL 1A, khu phố 1, phường T, quận 12, TPHCM lấy trộm 01 ĐTDĐ Iphone 6 plus, màu đen

Vụ thứ 3: khi đi qua nhà của anh Nguyễn Ngọc Đ kế bên nhà chị V lấy trộm 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone5 màu đen.

Vụ thứ 4: vào khoảng 03 giờ ngày 19/4/2017, P chở N đến nhà của anh Đoàn Văn H, QL 1A, phường T, quận B, TP.HCM lấy trộm 01 ĐTDĐ Samsung Galaxy J2 Prime, màu hồng; 01 ĐTDĐ Iphone 4S, màu đen; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu OP, màu vàng; 01 bóp da nhãn hiệu Lacoste bên trong có 1.440.000 đồng.

Vụ thứ 5: sau khi vào nhà của anh H, N và P đi được khoảng 02 km vào nhà của một người dân không rõ địa chỉ thuộc quận B lấy trộm 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung.

Vụ thứ 6: vào khoảng 04 giờ ngày 19/4/2017, P chở N đến nhà hàng “Khói”, tại đường Nguyễn Hữu T, khu phố 4, thị trấn T, huyện B, TPHCM, N đột nhập vào nhà hàng lấy trộm 01 ĐTDĐ Samsung Galaxy J7 màu vàng của anh Hoàng Tuấn H.

Ngày 16/6/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện B có các Công văn số 79, 80, 81, 82 chuyển vụ việc cho cơ quan CSĐT Công an quận T, quận B, quận 12 và huyện B để tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số 50/QĐ/KSĐT ngày 11/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Đặng Thanh N, Tô Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo qui định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm 3.700.000đồng và 01 ĐTDĐ Iphone 6 trị giá 5.850.000đ của chị L, rồi tiếp tục đến phòng tập thể hình “Long Phú” tại số đường Mai Thị N, khu phố 3, thị trấn B tiếp tục lấy trộm của anh Lê Hoàng G 01 ĐTDĐ Iphone 5S, trị giá 4.900.000đ và 620.000đ nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn, tài sản đã trả lại cho bị hại nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho các bị cáo

hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20; Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Đặng Thanh N từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Bị cáo Tô Văn P từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, nên các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với 06 lần trộm cắp tài sản của N và P tại địa bàn TP.HCM, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã có công văn chuyển đến cơ quan CSĐT Công an các quận T, quận B, quận 12 và huyện B để tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi vụ việc bị phát hiện bị hại Phạm Thị Bích L đã nhận lại số tiền 3.700.000 đồng và 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, bị hại Lê Hoàng G đã nhận lại 620.000 đồng và 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 5S, màu vàng; chị L và anh G không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về vật chứng:

- 01 bóp da màu đen của bị cáo Đặng Thanh N bên trong có tiền Việt Nam là 7.035.000đ, trong đó 3.700.000đ N, P trộm của chị Phạm Thị Bích L ; 620.000đ N, P trộm của anh Lê Hoàng G ; số tiền còn lại 2.715.000đ, 01 ĐTDĐ Iphone 6 màu trắng; 01 ĐTDĐ Nokia 215 màu trắng thuộc sở hữu của N. Đề nghị tiếp tục tạm giữ tiền Việt Nam 2.715.000đ của bị cáo N để đảm bảo thi hành án; tịch thu sung quỹ nhà nước 01 ĐTDĐ Iphone 6 màu trắng; 01 ĐTDĐ Nokia 215 màu trắng thuộc sở hữu của N đã sử dụng làm phương tiện phạm tội; hoàn trả cho bị cáo N 01 CMND tên Đặng Thanh N, 01 bóp da màu đen thuộc sở hữu của bị cáo N.

- 01 bóp da màu đen của bị cáo Tô Văn P, bên trong có tiền Việt Nam là 1.390.000đ; 01 ĐTDĐ Nokia 215 màu đen và 01 ĐTDĐ Nokia 220 của P; 01 xe Sirius biển số 95E1-397.53 màu đỏ cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy CMND, 01 thẻ bảo hiểm xe mô tô, 01 giấy phép lái xe mang tên Tô Văn P. Đề nghị tiếp tục tạm giữ tiền Việt Nam 1.390.000đ của bị cáo P để đảm bảo thi hành án; tịch thu sung quỹ nhà nước 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia 220, 01 xe Sirius biển số 95E1-397.53 màu đỏ cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 thẻ bảo hiểm xe mô tô thuộc sở hữu của P đã sử dụng làm phương tiện phạm tội; hoàn trả cho bị cáo P 01 giấy CMND, 01 giấy phép lái xe mang tên Tô Văn P, 01 bóp da màu đen thuộc sở hữu của bị cáo P;

- 01 cang cua bể sắt loại phi 18, 01 cái kiềm nhãn hiệu Friend ship, 01 kiềm nhãn hiệu Wynnd tools, 04 cái chìa khóa loại 8, 10, 12, 13; 01 tua vít nhãn hiệu Huayue tools, 01 cái móc câu, 01 sợi dây dù màu xanh dài 8.2m, 01 thanh kim loại có chiều dài 30cm các bị cáo đã sử dụng làm công cụ phạm tội, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 ĐTDĐ Iphone 5S, màu vàng thuộc sở hữu của anh Lê Hoàng G , 01 ĐTDĐ Iphone 6, màu vàng thuộc sở hữu của Phạm Thị Bích L , hiện cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đề cập giải quyết;

- Đối với số tài sản bị cáo N và bị cáo P khai đã trộm của anh Đoàn Văn H tại quận B gồm: số tiền 1.440.000đ; 01 ĐTDĐ Samsung Galaxy J2 Prime, màu hồng; 01 ĐTDĐ Iphone 4S, màu đen; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu OP, màu vàng; 01 cái ví nhãn hiệu Lacoste, màu đen, hiện CQĐT công an huyện B đã trả lại cho anh H nên không xem xét.

Hiện các tài sản, vật chứng nêu trên chỉ cục Thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 25/QĐ-CVC ngày 11/7/2017.

Đối với số tài sản mà bị cáo N và bị cáo P đã trộm cắp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đang tiếp tục tạm giữ để đảm bảo giải quyết vụ án là phù hợp..

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo không tranh luận, người bị hại không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo Đặng Thanh N, Tô Văn P là người đã thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi, các bị cáo có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài bằng việc rủ nhau đi tìm tài sản để trộm cắp, N khởi xướng và được P đồng ý, khi đến nhà của chị Phạm Thị Bích L tại số 3 đường số 9, khu dân cư đường 10, khu phố 3, thị trấn B, huyện B, N và P đã lấy trộm

3.700.000đồng và 01 ĐTDĐ Iphone 6 trị giá 5.850.000đ, rồi tiếp tục đến phòng tập thể hình “Long Phú” tại đường Mai Thị N, khu phố 3, thị trấn B, cả hai lần trộm của anh Lê Hoàng G 01 ĐTDĐ Iphone 5S, trị giá 4.900.000đ và số tiền 620.000đ. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 15.070.000đ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, các bị cáo xác định cáo trạng truy tố các bị cáo là không oan sai, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Động cơ phạm tội của các bị cáo là tham lam, chỉ muốn hưởng thụ mà không phải lao động vất vả, tuổi đời của các bị cáo còn trẻ lại là người có sức khỏe, lẽ ra các bị cáo phải tìm cho mình một công việc để làm, để có thu nhập ổn định và lo cho gia đình nhưng các bị cáo lại đi tìm sự sơ hở của người khác để lấy trộm tài sản. Điều đó cho thấy ý thức chủ quan của tội phạm là cố ý.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự công cộng, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Trong khi đó tình hình trộm cắp hiện nay đang là vấn nạn tại địa phương trên địa bàn huyện B. Vì vậy thấy rằng cần phải có một hình phạt đủ nghiêm khắc để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia, không cấu kết chặt chẽ với nhau, vạch ra kế hoạch để thực hiện một tội phạm, dưới sự điều khiển thống nhất của người cầm đầu. Tuy nhiên phải xem xét vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp. Bị cáo N là người khởi xướng và là người trực tiếp thực hiện hành vi, bị cáo P với vai trò cánh giơ. Do vậy hình phạt áp dụng đối với các bị cáo sẽ tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm số tiền 3.700.000đồng và 01 ĐTDĐ Iphone 6 trị giá 5.850.000đ của chị L, rồi tiếp tục đến phòng tập thể hình “Long Phú” tại số 107 Mai Thị N, khu phố 3, thị trấn B lấy trộm của anh Lê Hoàng G 01 ĐTDĐ Iphone 5S, trị giá 4.900.000đ và 620.000đ nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn, tài sản trộm cắp được đã trả lại cho bị hại nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên cũng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, nên các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với 06 lần trộm cắp tài sản của bị cáo N và bị cáo P tại quận T, quận B, quận 12, huyện B thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã có các Công văn số 79, 80, 81, 82 ngày 16/6/2017 (BL: 31,32,33,34) chuyển đến cơ quan CSĐT Công an các quận T, quận B, quận 12 và huyện B để tiến hành giải quyết theo thẩm là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại chị Phạm Thị Bích L và anh Lê Hoàng G đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về vật chứng:

- Đối với số tiền Việt Nam 2.715.000đ thuộc sở hữu của bị cáo N cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; cần tịch thu sung quỹ nhà nước 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng vàng, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia 215 (RM1110) màu trắng thuộc sở hữu của N nhưng bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội; hoàn trả cho bị cáo N 01 CMND tên Đặng Thanh N, 01 bóp da màu đen thuộc sở hữu của bị cáo N là phù hợp.

- Đối với số tiền Việt Nam 1.390.000đ thuộc sở hữu của bị cáo P cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; cần tịch thu sung quỹ nhà nước 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia 220, 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ, biển kiểm soát 95E1-397.53 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 95E1-397.53 và 01 thẻ bảo hiểm xe mô tô mang tên Tô Văn P thuộc sở hữu của P nhưng bị cáo P đã sử dụng làm phương tiện phạm tội; hoàn trả cho bị cáo P 01 CMND, 01 giấy phép lái xe mang tên Tô Văn P, 01 bóp da màu đen, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia 215 màu đen thuộc sở hữu của bị cáo P là phù hợp.

- Đối với 01 cang cua bể sắt loại phi 18; 01 cái kiềm nhãn hiệu Friend ship, 01 kiềm nhãn hiệu Wynnd tools, 04 cái chìa khóa loại 8, 10, 12, 13; 01 tua vít nhãn hiệu Huayue tools, 01 cái móc câu, 01 sợi dây dù màu xanh dài 8.2m, 01 thanh kim loại bằng kẽm có chiều dài 30cm các bị cáo đã sử dụng để làm công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- 01 ĐTDĐ Iphone 5S, màu vàng thuộc sở hữu của anh Lê Hoàng G , 01 ĐTDĐ Iphone 6, màu vàng thuộc sở hữu của chị Phạm Thị Bích L cơ quan CSĐT đã trả lại cho các bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với số tài sản bị cáo N và bị cáo P khai đã trộm của anh Đoàn Văn H tại quận Bình Tân gồm: số tiền 1.440.000đ; 01 ĐTDĐ Samsung Galaxy J2 Prime, màu hồng; 01 ĐTDĐ Iphone 4S, màu đen; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu OP, màu vàng; 01

cái ví nhãn hiệu Lacoste, màu đen, hiện CQĐT công an huyện B đã trả lại cho anh H (BL: 37) nên không đề cập đến.

Hiện các tài sản, vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 25/QĐ-CVC ngày 11/7/2017.

Đối với số tài sản mà bị cáo N và bị cáo P khai đã trộm cắp được trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đang tiếp tục tạm giữ để đảm bảo giải quyết vụ án là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Đặng Thanh N, Tô Văn P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Đặng Thanh N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2017.

Bị cáo Tô Văn P 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2017.

2. Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Đặng Thanh N, Tô Văn P để đảm bảo công tác thi hành án.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng vàng, 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia 215 (RM1110) màu trắng thuộc sở hữu của Đặng Thanh N, bị cáo N đã sử dụng làm phương tiện phạm tội.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia 220, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ, biển kiểm soát 95E1-397.53 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 95E1-397.53 và 01 (một) thẻ bảo hiểm xe mô tô mang tên Tô Văn P thuộc sở hữu của Tô Văn P, bị cáo P đã sử dụng làm phương tiện phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cang cua bể sắt loại phi 18; 01 cái kiềm nhãn hiệu Frennd ship, 01 kiềm nhãn hiệu Wynnd tools, 04 cái chìa khóa loại 8, 10, 12, 13; 01 tua vít nhãn hiệu Huayue tools, 01 cái móc câu, 01 sợi dây dù màu xanh dài 8.2m, 01 thanh kim loại bằng kẽm có chiều dài 30cm.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền Việt Nam 2.715.000đ (Hai triệu bảy trăm mười lăm ngàn đồng) của bị cáo Đặng Thanh N để đảm bảo thi hành án.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền Việt Nam 1.390.000đ (Một triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng) của bị cáo Tô Văn P để đảm bảo thi hành án.

- Hoàn trả cho bị cáo Đặng Thanh N 01(một) chứng minh nhân dân tên Đặng Thanh N.

- Hoàn trả cho bị cáo Tô Văn P 01(một) chứng minh nhân dân, 01 (một) giấy phép lái xe tất cả đều mang tên Tô Văn P và 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia 215 màu đen.

(Tất cả vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 25/QĐ-CVC ngày 11/7/2017 và biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/7/2017).

4. Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo N và bị cáo P mỗi người phải chịu 200.000 đồng(hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5.Án xử sơ thẩm, tuyên án công khai: bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện B;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn

(Đã ký)

Đặng Thị Thành Đồng